

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:61/2021/HSST
Ngày 30 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Sơn Mút

2/ Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- ***Thý ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:***
Ông Huỳnh Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn**, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1990; Nơi sinh: tại quận Ô, thành phố CT; Nơi ĐKKHKT: khu vực A, phường An, quận Ô, thành phố CT; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên cha: Phước, sinh năm 1963 (chết); Họ và tên mẹ: Xem, sinh năm 1959; Họ và tên vợ: YẾN, sinh năm 1998; Anh, chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất là bị cáo. Có 01 người con; Khoa, sinh năm 2015. Tiền sự: không;

- Tiền án: 02 lần

+ Ngày 22/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố CT xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

+ Ngày 14/9/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố CT xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”

- Nhân thân:

+ Ngày 28/10/2009 bị Chủ tịch UBND tp CT ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản và đánh nhau gây mất trật tự công cộng.

+ Ngày 10/01/2012 bị Chủ tịch UBND quận Ô, tp CT ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cai nghiện tại cơ sở chữa bệnh thời hạn 12 tháng.

+ Ngày 04/11/2016 bị Chủ tịch UBND phường An, quận Ô, tp CT ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 28/5/2021 bị Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT xử phạt 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Bị cáo chấp hành án tại Trại giam CL - Bộ Công an theo bản án hình sự sơ thẩm số 33/2021/HSST, ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT, từ ngày 02/3/2021 cho đến nay; được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Bà Tấn, sinh năm 1956 – vắng mặt

2. Ông Bình, sinh năm 1960 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khóm L, thị trấn Q, huyện T, tỉnh VL.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Lan, sinh năm 1990 – vắng mặt

Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện T, tỉnh VL.

2. Anh Tâm, sinh năm 1975 – vắng mặt

Địa chỉ: tổ 1, ấp D, xã S, huyện B, tỉnh VL.

3. Chị Yến, sinh năm 1998 – vắng mặt

4. Bà Xem, sinh năm 1959 – có mặt

5. Chị Chi, sinh năm 1973 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: khu vực A, phường An, quận Ô, thành phố CT

Người làm chứng:

Anh Thôi, sinh năm 1976 – vắng mặt

Địa chỉ: khu vực 5, phường CL, quận Ô, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ, ngày 01/3/2021 bị cáo Nguyễn điều khiển xe máy biển số 65E1 - 313.19 chở vợ là Yến từ thành phố CT đến thị xã M chơi. Sau đó, bị cáo chạy xe chở Yến lưu thông trên quốc lộ 54 hướng về huyện LV, tỉnh DT để qua đò về lại thành phố CT. Khi đến khu vực khóm T, thị trấn TQ, huyện BT, tỉnh VL thì bị cáo thấy vụ tai nạn giao thông giữa xe mô tô biển số 64K1- 197.03 do ông Bình điều khiển chở vợ ngồi sau bà Tấn với xe máy của người khác nên bị cáo dừng xe lại xem. Sau khi tai nạn xảy ra ông Bình bị thương nên được người dân đưa lên xe cứu thương để chở đi cấp cứu ở Trung tâm y tế thị xã M. Thấy bị cáo Nguyễn có ý định giúp đỡ và cùng lo lắng cho ông Bình nên bà Tấn nhờ bị cáo Nguyễn điều khiển xe biển số 64K1- 197.03 chở bà Tấn chạy theo xe cấp cứu đang chở ông Bình đến

Trung tâm y tế thị xã M. Còn Yên thì điều khiển xe biển số 65E1- 313.19 chạy theo sau. Khi đến địa bàn thị xã M thì bị cáo kêu bà Tấn đưa cái giỏ xách mà bà Tấn đang giữ trước ngực để bị cáo để trên yên trước xe cho dễ điều khiển, đến Trung tâm y tế thị xã M thì bị cáo dừng xe ở trước cổng Trung tâm ý tế cho bà Tấn xuống xe, bị cáo Nguyễn lấy cái giỏ xách đưa lại cho bà Tấn rồi bị cáo chạy xe máy biển số 64K1- 197.03 vào bãi xe của Trung tâm ý tế gửi xe. Cùng thời điểm này thì Yên cũng chạy xe đến và đợi bị cáo Nguyễn ở trước cổng Trung tâm y tế. Sau khi gửi xe xong bị cáo cùng bà Tấn đi vào khoa cấp cứu để bà Tấn chăm sóc cho ông Bình. Do bà Tấn đang lo lắng cho ông Bình nên không nhớ đến việc lấy lại chìa khóa xe và thẻ giữ xe mà bị cáo Nguyễn đang giữ, bị cáo có ý đồ không nhắc bà Tấn. Bị cáo Nguyễn lợi dụng lúc bà Tấn và ông Bình không để ý, bị cáo lén lút đi ra khỏi khu vực cấp cứu vào bãi giữ xe để lấy xe máy biển số 64K1- 197.03 dẫn ra ngoài, dùng chìa khóa mở khóa và cho nổ máy chạy đi. Yên thấy Nguyễn điều khiển xe biển số 64K1- 197.03 chạy đi nên cũng điều khiển xe máy chạy theo nhưng không có trao đổi gì với Nguyễn trước. Sau đó, bị cáo điều khiển xe vừa lấy được được chạy liên tục đến nhà của chị Lan ở xã SP, huyện B, tỉnh VL để gạ bán xe. Khi gặp chị Lan thì bị cáo gạ bán chiếc xe và nói “xe của gia đình, kẹt tiền nên bán”, chị Lan đồng ý mua với giá 5.000.000đồng, thì bị cáo đồng ý bán. Khi bán xe cho chị Lan xong, do biết chị Lan có bán chắt ma túy nên bị cáo đã dùng 1.000.000đồng tiền bán xe mua ma túy để sử dụng. Sau khi bán xe xong bị cáo đi ra gặp Yên và điều khiển xe máy biển số 65E1- 313.19 chở Yên về nhà.

Sau khi bà Tấn phát hiện bị mất xe máy biển số 64K1- 197.03, thì bà Tấn kiểm tra giỏ xách mà bị cáo đưa lại thì phát hiện còn bị mất số tiền 10.000.000đồng cùng các loại giấy tờ khám bệnh, Card Visit, bà Tấn đến trình báo Công an thị trấn TQ, huyện B, tỉnh VL biết vụ việc.

Ngoài ra, trong quá trình xác minh, ngày 02/3/2021 Cơ quan điều tra còn phát hiện bị cáo Nguyễn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra Công an quận Ô, thành phố CT đã khởi tố, bắt tạm giam bị cáo để điều tra và xử lý. Quá trình làm việc bị cáo Nguyễn đã thừa nhận hành vi lấy trộm xe máy biển số 64K1- 197.03 của bà Tấn, ông Bình. Đối với số tiền 10.000.000đồng của bà Tấn bị mất thì bị cáo không thừa nhận có lấy trộm; qua điều tra không có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn là người lấy trộm số tiền nói trên của bà Tấn. Tuy nhiên, theo yêu cầu của bà Tấn thì người thân của Nguyễn là bà Chi (cô ruột của Nguyễn) đã tự nguyện bồi thường cho bà Tấn số tiền 10.000.000đồng xong nên bà Tấn không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà Chi cũng không yêu cầu Nguyễn, bà Tấn trả lại số tiền 10.000.000đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL.ĐGTS, ngày 09/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: Xe máy biển số 64K1- 197.03 có giá trị thành tiền tại thời điểm bị mất là 6.000.000đồng.

- Đối với chị Lan: Sau khi mua xe biển số 64K1- 197.03 của Nguyễn thì Lan giao cho anh Minh mượn làm phương tiện di chuyển, sau đó Minh chạy xe này đến nhà của anh Tâm gửi. Qua điều tra, xác minh mời anh Tâm làm việc thì biết được chiếc xe này là do người khác phạm tội mà có nên anh Tâm đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để xử lý.

- Đối với chị Lan, anh Minh, anh Tâm do không biết chiếc xe máy biển số 64K1 – 197.03 là do Nguyên phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.
 - Đối với việc bị cáo Nguyên khai có mua ma túy của chị Lan vào ngày 01/3/2021 đến ngày 02/3/2021 bị cáo đã bị Cơ quan điều tra quận Ô bắt và thu giữ số ma túy này và tiếp tục điều tra xử lý bị cáo Nguyên và chị Lan theo quy định pháp luật.
 - Đối với chị Yến: Trước khi bị cáo Nguyên lấy trộm xe máy của bà Tấn, ông Bình thì bị cáo Nguyên không có bàn bạc trước với Yến; Do vậy Yến không đồng phạm với bị cáo Nguyên về tội trộm cắp tài sản cũng như hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hành vi của Yến là không tố giác tội phạm; Tuy nhiên, hành vi không tố giác tội phạm của Yến không đủ yếu tố cấu thành tội phạm vì Yến là vợ của bị cáo.
 - Về xử lý vật chứng:
 - + Đối với xe máy biển số 64K1 - 197.03 của bà Tấn, ông Bình Cơ quan điều tra đã thu hồi được và đã trả lại cho bà Tấn, ông Bình xong.
 - + Đối với 01 bóp da màu nâu, 01 cái nón bảo hiểm, 01 cái áo sơ mi dài tay, 01 cái quần Jeen; Cơ quan điều tra đã thu giữ là của bị cáo Nguyên nên cần trả lại.
 - + Đối với 01 cái túi màu hồng, 01 cái áo khoác, 01 đôi bao tay, 01 nón bảo hiểm, 01 cái điện thoại di động hiệu Oppo F11pro và 01 chiếc xe máy biển số 65E1 – 313.91 do không liên quan đến hành vi trộm cắp nên đã trả lại cho chị Yến xong.
 - + Đối với số tiền 4.700.000đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo, bị cáo khai đây là tiền của cá nhân bị cáo. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã chứng minh được số tiền 4.000.000đồng là tiền mà bị cáo đã bán xe cho chị Lan, còn 700.000đồng là tiền cá nhân của bị cáo. Qua điều tra chị Lan không yêu cầu nhận lại số tiền này, do đó cần tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 4.000.000đồng, còn lại 700.000đồng trả lại bị cáo.
 - + Đối với số tiền 1.000.000đồng bán xe có được, bị cáo khai mua ma túy sử dụng nên cần buộc bị cáo nộp lại để sung công quỹ nhà nước.
 - Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Tấn không yêu cầu bị cáo Nguyên bồi thường gì thêm. Bà Chi không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000đồng đã khắc phục cho bà Tấn. Chị Lan không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000đồng đã mua xe.
 - Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSBM, ngày 16/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Nguyên về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.
 - Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Yến, Lan, Tâm, Xem, Chi, Thôi đã thỏa thuận xong, không yêu cầu gì thêm.
- Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyên về tội “Trộm cắp tài sản” đồng thời phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, đánh giá tính chất mức độ, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:
- Tuyên bố bị cáo Nguyên phạm tội “Trộm cắp tài sản” .
- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyên mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp mức hình phạt 06 (sáu) năm tù của Bản án số 33, ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai bản án là 08 (tám) năm, 06 (sáu) tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bà Chi về việc tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại bà Tấn số tiền 10.000.000đồng, bà Chi không yêu cầu bị cáo Nguyên trả lại số tiền nói trên nên không xem xét.

+ Chị Lan không yêu cầu bị cáo Nguyên trả lại số tiền 5.000.000đồng đã mua xe của bị cáo, nên không đặt ra xem xét.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có yêu cầu gì nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Buộc bị cáo Nguyên nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc bán xe là 5.000.000đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản:

1. Đã trả lại cho bà Đái Thị Tấn xem máy biển số 64K1- 197.03;

2. Đã trả lại cho chị Yến: 01 cái túi màu hồng, 01 cái áo khoác, 01 đôi bao tay, 01 nón bảo hiểm, 01 cái điện thoại di động hiệu Oppo F11pro và 01 chiếc xe máy biển số 65E1 – 313.91.

3. Trả lại cho bị cáo Nguyên: 01 cái bóp da màu nâu, 01 cái nón bảo hiểm, 01 cái áo sơ mi dài tay, 01 cái quần Jeen.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyên nộp số tiền: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và ân hận về việc làm của bị cáo; Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về chăm lo cho gia đình và hứa sẽ trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp.

[2] Xét việc vắng mặt của bị hại bà Tấn, Bình và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Yên, Lan, Tâm, Chi, Thôi đã đã được tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đủ tài sản và thỏa thuận xong về phân trách nhiệm dân sự, không yêu cầu gì thêm, hơn nữa trong quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng, đầy đủ; Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[3] Tại phiên tòa bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội như đã khai trong quá trình điều tra và truy tố. Bị cáo chỉ xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Về phân trách nhiệm dân sự đã bồi thường xong.

[4] Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; kết luận định giá tài sản cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Nguyễn là đối tượng nghiện ma túy, đã có tiền án. Vào ngày 01/3/2021 bị cáo Nguyễn thấy ông Bình, bà Tấn bị tai nạn giao thông, ông Bình đang bị thương phải đưa đi cấp cứu nên bà Tấn nhờ bị cáo dùng xe máy của bà có biển số 64K1- 197.03 chở bà chạy theo xe cứu thương đến Trung tâm y tế thị xã M để cấp cứu ông Bình. Khi đến nơi thì bị cáo cho xe vào bãi gửi xe của Trung tâm y tế thị xã M. Sau đó, lợi dụng lúc bà Tấn đang trong tình trạng lo lắng, chăm sóc cho ông Bình không để ý, đề phòng nên bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm xe máy của bà Tấn. Sau đó, bị cáo lên đi ra bãi giữ xe dùng thẻ giữ xe lấy xe ra ngoài và chạy đi. Sau khi lấy trộm được xe máy biển số 64K1- 197.03 bị cáo Nguyễn liền đem bán cho chị Lan với số tiền 5.000.000đồng.

Giá trị tài sản mà bị cáo đã lấy trộm là: 6.000.000đồng. Hành vi nói trên của bị cáo đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ.

[5] Xét hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, được pháp luật bảo vệ; gây tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Lợi dụng lòng tin của bị hại để bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đem đi bán, để có tiền thỏa mãn nhu cầu tiêu sài cá nhân, vì lười lao động mà bị cáo xem thường pháp luật; nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi được; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo được xem xét áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra; Hội đồng xét xử còn xem xét đến tình tiết cha ruột của bị cáo được Công an thành phố CT tặng giấy khen trong quá trình công tác tại lực lượng Công an nhân dân. Về tình tiết tăng nặng, bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, xử phạt bị cáo mức án như đề nghị của Viện Kiểm sát cũng đảm bảo răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

- Hình phạt bổ sung: Đây là loại tội phạm ngoài hình phạt chính còn có thể áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét thấy, bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản:

1. Đã trả lại cho bà Tấn xem máy biển số 64K1- 197.03 xong.
2. Đã trả lại cho chị Yến: 01 cái túi màu hồng, 01 cái áo khoác, 01 đôi bao tay, 01 nón bảo hiểm, 01 cái điện thoại di động hiệu Oppo F11pro và 01 chiếc xe máy biển số 65E1 – 313.91 xong.
3. Trả lại cho bị cáo Nguyên: 01 cái bóp da màu nâu, 01 cái nón bảo hiểm, 01 cái áo sơ mi dài tay, 01 cái quần Jeen.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Chi việc tự nguyện bồi thường cho bị hại bà Tấn, Bình số tiền 10.000.000đồng xong, bà Chi không yêu cầu bị cáo Nguyên trả lại số tiền nói trên nên không xem xét.

+ Chị Lan không yêu cầu bị cáo Nguyên trả lại số tiền 5.000.000đồng đã mua xe của bị cáo.

+ Do số tiền 5.000.000đồng là tiền thu nhập bất chính, nên buộc bị cáo Nguyên phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước; Được khấu trừ vào số tiền tạm giữ của bị cáo 4.700.000đồng nên buộc bị cáo nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Yến, Lan, Tâm, Nị Xem, Chi, Thôi đã thỏa thuận xong, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyên phạm tội “Trộm cắp tài sản” .

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

1.Xử phạt:

Bị cáo Nguyên 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp mức hình phạt 06 (sáu) năm tù của Bản án số 33, ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT.

Nên buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/3/2021.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Nguyễn nộp số tiền thu nhập bắt chính: 5.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước; Được khấu trừ vào số tiền tạm giữ của bị cáo 4.700.000đồng theo biên lai thu số 0005003, ngày 27- 7- 2021 của Chi cục Thi hành án thị xã M, tỉnh VL. Buộc bị cáo nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

3. Về trách nhiệm dân sự:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Chi về việc tự nguyện bồi thường cho bị hại bà Tấn, ông Bình số tiền 10.000.000đồng xong, bà Chi không yêu cầu bị cáo Nguyễn trả lại số tiền nói trên nên không xem xét.

+ Chị Lan không yêu cầu bị cáo Nguyễn trả lại số tiền 5.000.000đồng đã mua xe của bị cáo.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Yến, Lan, Tâm, Xem, Chi, Thôi đã thỏa thuận xong, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản:

1. Đã trả lại cho bà Tấn xem máy biển số 64K1- 197.03 xong;

2. Đã trả lại cho chị Yến: 01 cái túi màu hồng, 01 cái áo khoác, 01 đôi bao tay, 01 nón bảo hiểm, 01 cái điện thoại di động hiệu Oppo F11pro và 01 chiếc xe máy biển số 65E1 – 313.91 xong.

3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn: 01 cái bóp da màu nâu, 01 cái nón bảo hiểm, 01 cái áo sơ mi dài tay, 01 cái quần Jeen.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh theo biên bản giao nhận ngày 27- 7- 2021.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 13; 14; điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn nộp số tiền: 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND tỉnh VL;
- Sở tư pháp tỉnh VL;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh VL;
- VKSND TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TX M;
- CQĐT Công an TX M;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Thiết